



**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

**ĐẠI CƯƠNG VĂN HỌC VIỆT NAM
(PHẦN: VĂN HỌC TRUNG ĐẠI)**

*Giảng viên: TS. Trần Thanh Thủy
Viện Nghiên cứu Nam Á, Tây Á và Châu Phi*

VĂN HỌC VIỆT NAM NỬA SAU THẾ KỶ XIX

Bối cảnh lịch sử - xã hội

- Thực dân Pháp xâm lược và những xung đột lịch sử - chính trị nảy sinh trong lòng xã hội
- XH VN chuyển từ XH phong kiến sang XH thực dân – phong kiến

Diện mạo văn học

- LLST – quan niệm thẩm mỹ
- Chủ đề - đề tài
- Hình tượng trung tâm
- Ngôn ngữ
- Thể loại

I. BỐI CẢNH LỊCH SỬ - XÃ HỘI

1. Thực dân Pháp xâm lược và những xung đột lịch sử - chính trị nảy sinh trong lòng xã hội

- Vấn đề lớn nhất trong lịch sử VN nửa sau thế kỷ XIX: vấn đề bị xâm lược và chống xâm lược

1847: Thiệu Trị băng hà sau thất bại trong trận Hải chiến ở Đà Nẵng, Tự Đức tiếp nối ngai vàng trong bối cảnh mỗi hiểm họa trực diện đến từ các thế lực xâm lăng TD

1/9/1858: Pháp – TBN tấn công Sơn Trà
=> 1859: Pháp tấn công Gia Định (không giữ thành)
=> 25/10/1860: Pháp tấn công Gia Định
=> 2/1861: Đại đồn Phú Thọ (Chí Hòa) thất thủ
=> Pháp lần lượt chiếm Định Tường, Biên Hòa, Vĩnh Long

1862: Hòa ước Nhâm Tuất: nhượng 3 tỉnh miền Đông Nam Kỳ + đảo Côn Lôn

1874: Hiệp ước Giáp Tuất: cắt nhượng chủ quyền 6 tỉnh Nam Kỳ

1883: Hòa ước Quý Mùi (Harmand): xác lập quyền bảo hộ của Pháp trên toàn lãnh thổ Việt Nam

1883: Tự Đức băng hà => khủng hoảng chính trị: 6 tháng chết 3 vua

1884: Hàng ước Giáp Thân (Pa-tơ-nôt): chia đất nước làm 3 kỳ, theo 3 chế độ cai trị khác nhau

1885: Hàm Nghi lên ngôi => phát động phong trào Cần Vương: phong trào kháng chiến vũ trang chống TD quy mô lớn nhất được triều đình TW phát động

(1) Chia rẽ lương - giáo: sự đối kháng điển hình bậc nhất, quan trọng bậc nhất trong lòng XH VN nửa cuối XIX

- Về hình thức, vấn đề phân biệt lương - giáo thường được gắn với sự phân biệt giữa tín đồ theo Phật giáo và tín đồ theo Thiên Chúa giáo
- Trên thực tế, sự đối kháng quyết liệt, dữ dội nhất giữa phe “lương” và phe “giáo” thế kỷ XIX: diễn ra ở những vùng có lực lượng nhà nho đông đảo mà lại có giáo xứ “toàn tòng”

=> chủ thể của sự đối kháng trên thực tế diễn ra giữa tập hợp các *nhà nho* và tập hợp các chức sắc - tín đồ “ngoan đạo” nhất của *giáo hội*.

Vì sao?

Nho giáo		Thiên Chúa giáo
Quyền hành của vua Thiên tử	> <	Quyền hành của Thiên Chúa
Đạo thần tử, nghĩa vua - tôi	> <	Ý thức về lòng trung thành với Thượng đế chí tôn
Tinh thần trung hiếu tiết nghĩa	> <	Lòng ngoan đạo, sẵn sàng tử vì đạo
		

- ✓ Từ thế kỷ XVI, các chúa Trịnh - Nguyễn đã tỏ rõ sự nghi ngờ và có nhiều quyết định hạn chế hoạt động của các giáo sĩ thừa sai
- ✓ Gia Long, Minh Mạng: Cảnh giác với các nhà truyền giáo
- ✓ Sau loạn Lê Văn Khôi: (1833-35) ra chỉ thị cấm đạo nghiêm ngặt

=> **Thực tế:** từ 1847, mọi bước leo thang trong cuộc thuộc địa hóa ở Việt Nam của quân đội Pháp đều gắn bó trực tiếp và mật thiết với các hoạt động của *giáo hội thừa sai* và các *giáo sĩ*.

(2) Sự phân hóa giữa phái chủ chiến và phái chủ hòa: rạn nứt từ nội bộ triều đình, lan ra toàn XH

- Phe chủ chiến (Trương Đăng Quế, Nguyễn Tri Phương, Hoàng Diệu, Tôn Thất Thuyết, Nguyễn Văn Tường, Hoàng Kế Viêm...): yêu nước nhưng mang tư tưởng bài ngoại
- Phe chủ hòa (Nguyễn Hữu Độ, Phan Thanh Giản, Lâm Duy Thiệp, Trần Tiến Thành, Phạm Phú Thứ...): chiếm đa số
- Tự Đức đứng giữa, nhưng thực chất nghiêng về phía chủ hòa

➤ Đặc điểm bao trùm:

- Thiếu hiểu biết trầm trọng tình hình quốc tế cũng như khu vực, không biết và đánh giá đúng kẻ thù trực tiếp (ưu thế, dã tâm, ý đồ, thủ đoạn, khó khăn, trở ngại...)
- Không hiểu và đánh giá đúng cội nguồn sức mạnh của quốc gia, không biết tranh thủ và phát huy những tiềm năng, nội lực của sức mạnh dân tộc

=> vấn đề mang tính “phi truyền thống”, cần giải pháp “phi truyền thống” => *tinh thần giáo điều* là trở ngại lớn nhất

Nhìn lại quá trình mất đất:

- Ban đầu, nhà Nguyễn chưa đầu hàng.
- Cho đến tháng 2/1861, khi đại đồn Chí Hòa – chiến tuyến vững chắc nhất ở Nam Kỳ bị quân xâm lược phá vỡ: những người đứng đầu mới chuyển từ chiến lược “quyết đánh” sang kết hợp vừa thương thuyết vừa đánh cầm chừng.
- 1862: ký hòa ước, nhượng 3 tỉnh miền Đông NK + đảo Côn Lôn cho Pháp.
- 1863: cử sứ bộ sang Pháp và Tây Ban Nha thương nghị để “chuộc đất”

- 1 dự thảo Hiệp ước được bàn bạc, ký kết: nêu nguyên tắc giao trả 3 tỉnh Nam Kỳ => bị Pháp hủy bỏ.
- 1865-1871: Pháp theo đuổi một chính sách bành trướng lãnh thổ ở Nam kỳ, chính quyền của người Pháp ở vùng đất này lúc bấy giờ là một chính quyền quân sự hóa.
- 6/1867: Phan Thanh Giản - Kinh lược sứ, Khâm sai của triều đình ở Nam Kỳ - buộc lòng phải ra lệnh cho các tỉnh thần giao nộp thành Vĩnh Long, Châu Đốc và Hà Tiên cho quân Pháp mà không kháng cự
=> phản ánh thực trạng giới cầm quyền: bế tắc, bất lực

Phong trào chống Pháp trong nhân dân:

- Thập kỷ 60: Nam Bộ xuất hiện hình thái *chiến tranh du kích* của nhân dân dưới sự lãnh đạo của các nhà nho và tướng lĩnh yêu nước (Trương Công Định, Nguyễn Hữu Huân, Phan Văn Đạt, Lê Cao Dong, Võ Di Nguy, Phủ Cao, Nguyễn Trung Trực...): gây cho quân đội Pháp nhiều tổn thất hơn so với quân đội chính quy của triều đình.
- Khởi phát từ miền Nam, phong trào “sát tǎ” lan rộng, dấy lên khắp miền Trung, miền Bắc, đặc biệt ở những vùng có đội ngũ văn thân truyền thống có tiếng nói mạnh mẽ (Nam Định, Nghệ An, Nam Ngãi...).

- Bắc Kỳ: tướng lĩnh, văn thân phát động đấu tranh vũ trang theo lối du kích rộng rãi hầu khắp các địa bàn, đặc biệt sau Hiệp ước 1874.
- 1885: Hàm Nghi lên ngôi => phát động ***phong trào Cần Vương*** (1885-1888, 1888-1896)
- KN Bãi Sậy - Hai Sông (1883 - 1892) của Nguyễn Thiện Thuật; KN Ba Đình (1886 - 1887) của Trần Xuân Soạn, Phạm Bành, Tống Duy Tân, Đinh Công Tráng; KN Hùng Lĩnh (1887 - 1892) của Tống Duy Tân và Cao Điền; KN Hương Khê (1885 - 1896) trên địa bàn 3 tỉnh Nghệ An - Hà Tĩnh - Quảng Bình do Phan Đình Phùng và Cao Thắng lãnh đạo, KN Yên Thế của Hoàng Hoa Thám...
- ⇒ Thực dân Pháp đàn áp dã man nhưng ko thể dập tắt lòng yêu nước quật cường
- ⇒ *Văn học là chứng nhân lịch sử quan trọng nhất*

2. Xã hội Việt Nam chuyển từ xã hội phong kiến sang xã hội thực dân - phong kiến

- ❖ Đầu thế kỷ XIX, Việt Nam là một quốc gia thống nhất, rộng lớn và có uy thế trong khu vực; sau 1 thế kỷ, quốc gia rơi vào trạng thái “đưa chia khăn xé”.
- ❖ Đất nước chuyển mình một cách “đau đớn và nhục nhã” vào quỹ đạo TBCN trong thân phận một quốc gia thuộc địa
- ❖ Đất nước được đặt vào tình thế phải phát triển theo hướng hiện đại hóa, Âu hóa, nhưng là một quá trình hiện đại hóa bị động, nửa vờ, lệ thuộc và kém triển vọng, kém kế hoạch về mọi phương diện.

- 
- ❖ Sự thất bại của các phong trào yêu nước + âm mưu phô bày sức mạnh quân sự của kẻ thù đã bao phủ lên XH VN 1 không khí bi quan
=> Các lực lượng xã hội càng bị chia rẽ sâu sắc:
 - Các quan lại thuộc phe chủ hòa và đồng bọn: trở thành tay sai của người Pháp, ra mặt chống phá các phong trào yêu nước
 - Nhiều chí sĩ yêu nước bị bắt bớ, quản thúc
 - Số lòng khùng còn lại, có người tiếp tục làm quan, có người bỏ về quê ẩn dật

❖ TD Pháp cho thiết lập công sở, mở trường đào tạo viên chức thuộc địa, thúc đẩy sự phát triển các hoạt động thương mại ở đô thị, mở mang các công trường khai thác tài nguyên khoáng sản

⇒ Tầng lớp thị dân buôn bán nhỏ, tầng lớp công chức, học sinh tiểu tư sản thành thị xuất hiện

⇒ Một số nông dân bản cùng tìm đến các vùng mỏ, đô thị và tham gia đội quân vô sản đang ngày càng đông đúc

=> *XH VN bắt đầu bước ra khỏi quỹ đạo ảnh hưởng của khu vực, gia nhập vào hệ thống thuộc địa của CN đế quốc, trở thành một mắt xích của guồng máy thuộc địa toàn cầu*

❖ TD Pháp tìm cách phá vỡ các truyền thống của văn hóa Việt Nam;

Hạn chế ảnh hưởng từ truyền thống và từ TQ;

Duy trì những mặt lạc hậu, hạn chế của chế độ cũ;

Truyền bá những căn bản của văn minh phương Tây.

=> tạo nên một XH VN “nửa Tây, nửa Tàu” với nhiều biểu hiện lố lảng, kệch cỡm... của 1 XH lai căng nhằm dễ bề cai trị

=> diễn ra cuộc giao tranh (khi âm thầm, khi quyết liệt) giữa hai nền văn hóa Đông - Tây theo hướng có lợi và ngày càng lấn át của văn hóa phương Tây.

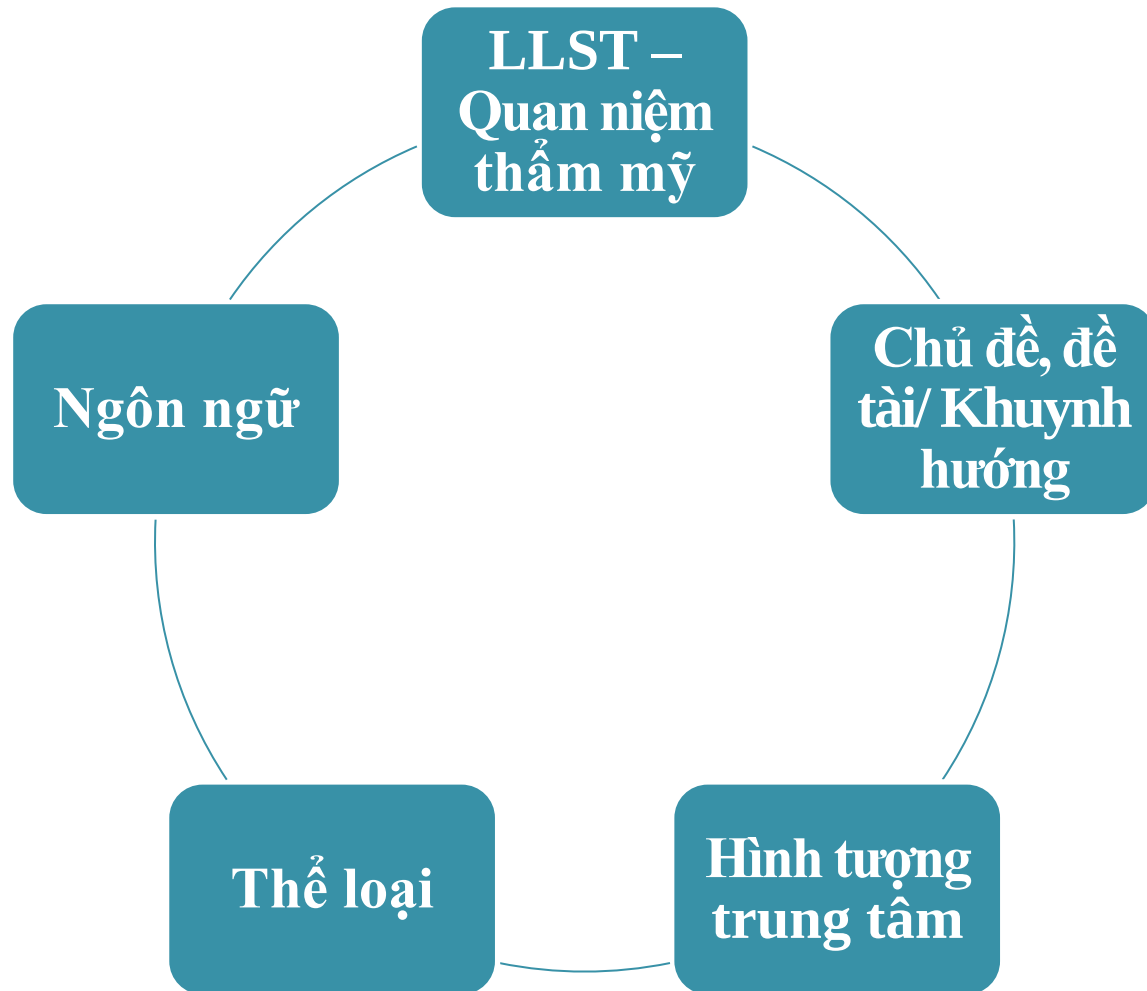
Trên tổng thể:

- Văn hóa, văn minh phương Tây được du nhập theo bước chân của kẻ xâm lược: ko phải ngay từ đầu đã được chấp nhận
- Sự hình thành và bước đầu phát triển khá rõ nét của đô thị kiểu ảnh hưởng phương Tây đang thay thế dần đô thị phương Đông
- Tầng lớp thị dân và con người cá nhân tư hữu với nếp sống phi truyền thống thật sự xuất hiện
- Đạo Thiên chúa: được mở rộng, về phương diện văn hóa đã góp phần làm phong phú thêm đời sống tinh thần của XH VN

- Ở miền Bắc, cuộc sống đô thị xuất hiện trong sáng tác của Trần Tế Xương, Dương Khuê.
- Ở miền Nam, sự xuất hiện của bộ phận văn xuôi quốc ngữ (Trương Vĩnh Ký, Trương Minh Ký, Nguyễn Trọng Quản...) => mặt tích cực trong văn hóa Pháp, trong đó có văn học, báo chí, ngôn ngữ: bắt đầu ảnh hưởng đến văn học VN, đặc biệt là ở khu vực Nam Bộ.
- Chữ Quốc ngữ trở thành một thứ ngôn ngữ phổ biến ở Nam Bộ, sẽ là tiền đề cho sự xuất hiện của văn xuôi quốc ngữ ở đây

=> Toàn bộ bối cảnh chính trị, xã hội, văn hóa, tư tưởng trên đã có ảnh hưởng lớn và được phản ánh một cách sâu sắc trong văn học giai đoạn này.

DIỆN MẠO VĂN HỌC VIỆT NAM NỬA SAU THẾ KỶ XIX



MỐC THỜI GIAN

- Bắt đầu: từ vương triều Tự Đức
- Kết thúc: thời điểm VHTĐ “nhường bước” cho VHHĐ: những năm đầu thế kỷ XX

I. LỰC LƯỢNG SÁNG TÁC

QUAN NIỆM THẨM MỸ

QUAN NIỆM VĂN HỌC

Tiêu chí/ ĐĐ chung	Văn học X-XVII	Văn học XVIII- 1/2 đầu XIX	Văn học 1/2 sau XIX
(1) Lực lượng sáng tác - Trí thức (<i>Hán học</i>): vua chúa, quý tộc, nhà nho, tăng nhân...	- Thời kỳ đầu: kiểu TG <i>nhà sư</i> chiếm tỉ lệ lớn - Thời Trần: kiểu tác giả nhà nho dần chiếm ưu thế; ban đầu là <i>nhà nho hành đạo</i> ; cuối thời Trần: xuất hiện <i>nhà nho ẩn dật</i> => Sáng tác của các <u>n/v chính trị</u> , trong ko gian chính trị	- Kiểu TG nhà nho chiếm ưu thế - Sự xuất hiện, trưởng thành của <i>nhà nho tài tử</i> - <i>Nhà nho bình dân</i> - <i>Tác giả nữ</i>	- Đông đảo, gồm nhiều tầng lớp và thành phần XH. Chủ yếu vẫn là <i>nhà nho sĩ</i> . - Dấu ấn nổi bật nhất: <i>nhà nho trung nghĩa</i> - Sự trưởng thành của <i>LLST Nam Bộ</i>

Tiêu chí/ Đặc điểm chung	Văn học X- XVII	Văn học XVIII - 1/2 đầu XIX	Văn học 1/2 sau XIX
Tâm thái LLST: - Kẻ sĩ mang tâm thái cứu thế, hoài bão xây dựng thế giới	- Tinh thần tự nhiệm rất mạnh => có niềm tin mạnh mẽ vào tầng lớp mình, lạc quan, hứng khởi	- Hoài nghi, thất vọng, vỡ mộng với những lý thuyết XH và nhân cách truyền thống	- Bi kịch tinh thần: giằng xé giữa lý tưởng của học thuyết về vai trò tự nhiệm của kẻ sĩ với thực tế bế tắc, bất lực, tình thế nguy nan của vận mệnh dân tộc
(2) Quan niệm thẩm mỹ	- Cái lý tưởng, cái đạo đức => xu hướng thoát tục, siêu hình; văn chương bàn về triết lý đạo đức, thiên nhiên	- Con người trần tục, đời thường, con người bản thể, bản năng => vẫn gắn với đời sống, đi sâu vào nỗi khổ, niềm vui...	Vận mệnh dân tộc; lẽ sống - chết, sự thành công - thất bại... => <i>Lần đầu tiên kể từ khi Nho giáo ngự trị với tư cách hệ tư tưởng chính thống, các nhà nho VN đặt câu hỏi lớn về lẽ sống – chết</i>

Tiêu chí/ Đặc điểm chung	Văn học X- XVII	Văn học XVIII - 1/2 đầu XIX	Văn học 1/2 sau XIX
(3) Quan niệm văn học: - Thi ngôn chí, văn tải đạo	- Thơ đề nói chí (chí của người quân tử: tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ) - Văn đề chuyển tải đạo lý thánh hiền đến với cộng đồng, giáo hóa nhân quần	- Mở rộng đến những cảm xúc mới lạ, đa dạng, trần tục với những băn khoăn, lo âu, xao xuyến trước mọi biến động của cuộc đời; quan tâm đến TÂM và TÌNH - “Tải đạo”: nhằm xác lập thế ứng xử trong mối quan hệ người – người	- Văn chương ko còn là trò tiêu khiển; văn chương là vũ khí đấu tranh XH

(1) Tác giả nhà nho nửa sau XIX

Nhà nho trung nghĩa:

- Phát triển ở nấc cao hơn từ mẫu hình TG nhà nho hành đạo
- Tiêu biểu là các nhà nho tham gia phong trào Cần Vương (Nguyễn Hữu Huân, Nguyễn Trung Trực, Nguyễn Cao, Nguyễn Quang Bích...)
- Xuất hiện trạng thái mâu thuẫn giữa những giáo điều mà họ tu dưỡng suốt đời nhưng đã tỏ ra lỗi thời > < thực tế lịch sử phức tạp, đối lập với tư tưởng của họ.
- Chiến đấu quên mình vì nghĩa lớn nhưng xuyên suốt thơ văn là một nỗi buồn vô hạn vì thấy rõ cơ hội cứu dân, cứu nước đang tuột dần khỏi tầm tay.

(2) Sự trưởng thành của LLST Nam Bộ

- Miền Nam: vùng đất mới được khai phá khoảng ba thế kỷ
=> VH Đàng Ngoài có ngót 10 thế kỷ văn học thành văn; trong khi văn học miền Trong chỉ có khoảng 3 thế kỷ.
- Mở đầu: Đào Duy Từ (1572-1634), bỏ Đàng Ngoài vào Đàng Trong theo các chúa Nguyễn.
- Các lớp sóng Nam tiến đến cuối XVII lan rộng mãi đến tận Đồng Nai, Gia Định, Hà Tiên (1707), theo đó, ko gian văn học Hán – Nôm cũng được mở rộng. Không chỉ do những lớp người Việt Nam tiến mà còn có đóng góp của những người Minh hương.
- TG tiêu biểu: Đào Duy Từ, Ngô Thế Lân, Nguyễn Cư Trinh, Mạc Thiên Tích – Chiêu Anh Các...

➤ **Thành tựu:**

- Khởi đầu thể loại truyện Nôm bác học (*Truyện Song Tinh* - Nguyễn Hữu Hào, hơn 2.000 câu lục bát)
- Tiểu thuyết chương hồi (*Nam triều công nghiệp diễn chi*)
- Nghệ thuật tuồng (hát bội)
- Hình tượng người anh hùng thời loạn
- ...

⇒ VH Đảng Trong có những vận động *riêng*, vấn đề riêng, đặc tính riêng, có những *đóng góp quan trọng* đối với VHDT.

⇒ Xét về tính chất phong phú, đa dạng, tiêu biểu và đỉnh cao thì *VH Đảng Ngoài*, của các tác giả sinh thành ở vùng đất cổ, vẫn là *dòng chủ lưu*, và là nơi hình thành nhiều vấn đề quan trọng của lịch sử VHTĐ VN.

⇒ Đầu XIX, phong trào sáng tác ở miền Nam khởi sắc hơn nhưng căn bản vẫn đang trong giai đoạn phôi thai.

➤ **Nửa sau XIX: văn học miền Nam nở rộ**

- ✓ Văn học chữ Nôm mới mẻ, nhưng gần với cuộc chiến đấu của dân tộc, sắc sảo hơn nhiều so với bộ phận văn học chữ Hán => nhiều TG ko chỉ tiêu biểu cho văn học Nam Bộ mà còn tiêu biểu cho văn học cả nước (Nguyễn Đình Chiểu).
- ✓ Sự giao lưu văn học 2 miền được đẩy mạnh: Nguyễn Tuân (Bắc) thân thiết với Nguyễn Thông (Nam); *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* có tiếng vang lớn với các nhà thơ miền Bắc; một số nhà thơ miền Bắc viết về các cuộc kháng chiến trong Nam...
- ⇒ *Tinh thần yêu nước, ý chí quyết tâm bảo vệ Tổ quốc* trước nguy cơ bị ngoại bang xâm lược đã *liên kết văn học trong cả nước*
- ⇒ Lần đầu tiên trong lịch sử dân tộc, văn học trở thành bộ phận văn học tiên phong trong cuộc đấu tranh chống ngoại xâm và chống tư tưởng thỏa hiệp đầu hàng.

- ✓ *Thầy Lazaro Phiên*: tác phẩm quốc ngữ hiếm và quý ở Nam Bộ cuối XIX.
- ✓ Hoạt động in ấn, xuất bản phát triển:
 - Thơ *Đoạn trường tân thanh* (Nguyễn Du) trong khoảng từ 1866 trở đi, đã được khắc in (hoặc biên tập, đưa sang Quảng Đông in) ở cả Hà Nội (Thăng Long), Huế, Sài Gòn.
 - Trương Vĩnh Ký phiên âm *Truyện Kiều* Nôm ra quốc ngữ, xuất bản lần đầu ở Sài Gòn năm 1875, đẩy nhanh tiến trình phổ biến rộng rãi *Truyện Kiều*.

(3) Quan niệm thẩm mỹ

- Văn học nửa sau XIX đặt ra vấn đề nhân sinh quan của thời đại, đó là: Quan niệm về lẽ sống, vấn đề sống như thế nào (*Sống làm chi theo quân tà đạo...*), chết sao cho không hổ thẹn với lương tâm, với tổ tiên, dân tộc (*Thà thác mà đặng câu địch khái...*)
- Luận về sự thành công và thất bại, về vận mệnh dân tộc, về lương tâm của thời đại...; đề cao khẩu hiệu “Thà chết vinh còn hơn sống nhục”, “Sống đánh giặc, thác cũng đánh giặc”...

=> Âm hưởng *bi thương* nhưng *hùng tráng* là âm hưởng chủ đạo của văn học yêu nước chống Pháp.

II. CHỦ ĐỀ, ĐỀ TÀI

HÌNH TƯỢNG TRUNG TÂM

Tiêu chí	Văn học X-XVII	Văn học XVIII - 1/2 đầu XIX	Văn học 1/2 sau XIX
(1) Chủ đề, đề tài	- Ngợi ca vương triều và những chiến thắng oai hùng của dân tộc - Ca tụng chế độ PK, khẳng định Nho giáo - Tu dưỡng nhân cách - Mô hình XH lý tưởng: vua nhân đức, thần dân hòa thuận - Cảm hòa thiên nhiên - Bất mãn thời thế, phê phán hiện thực XH - ...	- Lên án chế độ, giai cấp thống trị, chiến tranh PK trên lập trường nhân bản - Ngợi ca tài - tình - Giải phóng tình yêu nam nữ - Đề cao tự do cá nhân, quyền sống của con người - ...	- Yêu nước chống Pháp - Bảo vệ và thực hành Nho giáo - Tố cáo hiện thực XH - Hưởng lạc - thoát ly - Ca ngợi TD Pháp, đe dọa, đả kích phong trào kháng chiến của nhân dân - ...

(i) Chủ đề/ khuynh hướng yêu nước chống Pháp

- Lần đầu tiên trong lịch sử văn học VN, sự chuyển biến về chủ đề, đề tài trong văn học lại *nhanh chóng và theo sát các biến cố chính trị* như vậy.
- Sự chuyển biến trong nội dung văn học ko diễn ra nhất loạt từ Nam chí Bắc:
 - ✓ Chuyển biến *sớm nhất và trực tiếp nhất* là ở Nam Bộ. Nguyễn Đình Chiểu: người mở đầu + nhà thơ điển hình cho dòng văn học yêu nước chống Pháp
 - ✓ Khi mới bước sang nửa sau XIX, VH miền Bắc nói chung vẫn tiếp tục những chủ đề phê phán cũ => cá biệt bắt đầu nói đến cuộc chiến chống Pháp trong Nam.

- ✓ Sau khi Pháp chiếm 3 tỉnh miền Đông: Trần Bích San làm bài *Văn dương nhân bức thủ Vĩnh – An – Hà tam tỉnh cảm tác*
- ✓ 2 anh em Miên Thắm sau khi đọc *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*: làm thơ ca ngợi hành động “thư sinh giết giặc bằng ngòi bút” của NĐC.
- ✓ Miên Thắm làm bài *Mại chỉ y*: sự kiện Pháp tấn công Đà Nẵng.
- ✓ Sau khi Pháp ra Bắc, phong trào Cần Vương lan rộng, chủ đề trong VH mB: chuyển hẳn sang chủ đề yêu nước chống Pháp.

- **Nguyễn Đình Chiểu**: tiêu biểu cho sự chuyển biến này.
- Trước khi Pháp xâm lược, NĐC viết *Lục Vân Tiên* đề cao đạo đức nhân nghĩa và phê phán những kẻ bất nhân bất nghĩa.
- Sau khi Pháp tấn công Gia Định và các tỉnh miền Nam, NĐC bỏ hẳn lối sáng tác để giáo dục đạo đức chung chung; viết 1 loạt tác phẩm có *tính chất thời sự* nhằm phản ánh cuộc chiến đấu của dân tộc, tố cáo tội ác của giặc, kêu gọi nhân dân đứng lên chống giặc cứu nước.

=> Chủ đề thay đổi nhưng **truyền thống** nhân đạo và hiện thực của VHVN giai đoạn trước **ko biến mất**. Trong điều kiện mới của lịch sử, nó kết hợp chặt chẽ với **truyền thống yêu nước**, hoặc chuyển hóa thành truyền thống yêu nước...

=> VH yêu nước chống Pháp đem đến cho văn học một *nội dung mới, một khí thế mới, sức sống mới*.

Vì sao truyền thống ko biến mất?

- Chủ thể sáng tác: nhà nho mang ý thức hệ Nho giáo. (Nhân sinh quan bị chi phối bởi quan niệm Nho giáo - một triết lý đạo đức - nhưng sự phê phán của họ trong VH ko chỉ dừng ở sự phê phán trên *quan điểm đạo đức, quan điểm nhân sinh* mà còn là sự phê phán trên *quan điểm chính trị*).
- Trong dòng VH yêu nước chống Pháp: tiêu chuẩn để khẳng định và phủ định là *yêu nước* hay *bán nước, chống giặc* hay *hàng giặc*.

VD: Khi NĐC ca ngợi Trương Định “Bởi lòng chúng chẳng nghe thiên tử chiếu, đón ngăn mấy dặm mã tiên/ Theo bụng dân phải chịu tướng quân phù, gánh vác một vai khốn ngoại”: lời ca ngợi xuất phát từ *quan điểm chính trị*, ko phải *quan điểm đạo đức*. Khẩu hiệu “Phan Lâm mãi quốc, triều đình khí dân” là 1 *khẩu hiệu chính trị*, và *quan điểm chính trị* rất rõ.

(ii) Chủ đề/khuynh hướng tố cáo hiện thực

- Đầu giai đoạn: xuất hiện chưa rõ nét, mà như *một bộ phận của khuynh hướng văn học yêu nước* chống Pháp.
- Từ khi phong trào chống Pháp thất bại, thực dân Pháp tiến hành công cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất, một XH TD bán PK thực sự ra đời, bộc lộ mọi tính chất xấu xa, bỉ ổi: thực sự trở thành một *khuynh hướng độc lập* và phát triển mạnh mẽ.
- TG tiêu biểu: Nguyễn Khuyến, Tú Xương, Nguyễn Thiện kế, Học Lạc...

(iii) Chủ đề/khuynh hướng hưởng lạc - thoát ly

- Ra đời song song với khuynh hướng tố cáo hiện thực.
 - Bối cảnh chung: sự thất bại của phong trào đấu tranh chống Pháp và việc TD Pháp đặt ách thống trị lên đất nước ta
 - Tâm thế: các nhà thơ vốn xuất thân từ tầng lớp quan lại suy tàn, mang sẵn tâm lý tùy thời.
- ⇒ Trong hoàn cảnh XH mới, họ ra làm quan cho TD Pháp, để có điều kiện thỏa mãn cuộc sống hưởng lạc cá nhân (sáng tác cũng là một cách để thỏa mãn cuộc sống ấy).
- ⇒ Trong thơ văn họ, thỉnh thoảng cũng có bài nói đến thời thế, ngụ một chút tâm sự, xa gần đả kích một thói xấu, hoặc đeo đuổi hình bóng một người đẹp ngày xưa. Nhưng chủ yếu là nói về cuộc sống ăn chơi ở các nhà chứa, cô đầu. *Tính chất hưởng lạc* là đặc điểm chủ yếu của nhóm nhà thơ này.

Tiêu chí	Văn học X-XVII	Văn học XVIII - 1/2 đầu XIX	Văn học 1/2 sau XIX
(2) Hình tượng trung tâm	- Thiên nhiên - Con người chính trị: hoàng đế - thánh nhân, cai trị bằng đức trị, văn trị - Con người thần dân: kẻ sĩ nho ưu thời mẫn thế + bậc quân tử, đáng trọng phu, trang nam nhi, anh hùng vệ quốc... + ẩn sĩ: vẫn là con người đạo đức chính trị “độc hành kỳ đạo...” - ...	- <u>Người phụ nữ</u>: biểu tượng cho sự đau khổ, khốn cùng nhất của số phận trong một xã hội nam quyền; hình ảnh tiêu biểu cho phẩm chất cao đẹp của con người - Giai nhân – tài tử - Người anh hùng (thời loạn) - ...	- Người yêu nước chống Pháp/ người trung nghĩa + Người anh hùng thuộc tầng lớp dưới: nông dân nghĩa sĩ tự nguyện, người anh hùng vô danh + Nhà nho trung nghĩa - Thầy thông, thầy phán, thầy ký, cô đầu, ông Tây, bà đầm...

Hình tượng người yêu nước chống Pháp:

- Đó là những anh hùng chân chính của nhân dân, của dân tộc trong công cuộc chống ngoại xâm: họ chiến đấu 1 cách có ý thức và hi sinh 1 cách dũng cảm.
- Lần đầu tiên trong văn học VN xuất hiện những *người anh hùng thuộc tầng lớp dưới*, những nông dân nghèo khổ, khi đất nước có giặc, họ tự nguyện tham gia chiến đấu và hi sinh (nổi bật trong sáng tác của NĐC)

=> lần đầu tiên họ đến với VH trong tư thế đẹp đẽ của những người anh hùng.

- Về sau, hình tượng người anh hùng có bước chuyển từ người nông dân nghĩa sĩ tự nhiệm, người lãnh tụ nghĩa quân dám trái mệnh vua sang hình tượng những bậc sĩ phu, văn thân yêu nước – những *nhà nho trung nghĩa*, trung với vua với nước.
- Hình tượng nhà nho trung nghĩa Cần Vương có sự kết hợp hài hòa giữa truyền thống yêu nước quật cường của dân tộc và tư tưởng Nho gia, trong đó nổi bật là tư tưởng nhân nghĩa.

III. THỂ LOẠI

(1) Thể loại dài hơi: Đáng chú ý chỉ có sử ca và hát bội.

- **Truyện thơ** dài có giá trị gần như vắng bóng.
- **Sử ca:** ko phải diễn ca lại lịch sử quá khứ như *Đại Nam quốc sử diễn ca*, *Thiên Nam ngữ lục* mà là diễn ca lịch sử hiện tại, phản ánh những biến cố lớn như thất thủ kinh đô: *Hà thành thất thủ ca*, *Hà thành chí khí ca*
- **Hát bội:** những vở tuồng dân dã (hiện chưa sự tầm được nhiều) + những vở tuồng dưới sự bảo trợ của triều đình, nội dung chủ yếu tuyên truyền cho chủ nghĩa chính thống, tư tưởng trung quân. Cá biệt có vở viết ra nhằm thỏa mãn cuộc sống ăn chơi của đám vua quan trong triều.

=> nội dung lùi một bước so với giai đoạn trước, còn nghệ thuật thì có phần hoàn chỉnh hơn

(2) Thể loại ngắn: thơ lục bát, hịch, văn tế, hát nói, vè (dân gian): phổ biến và thành công hơn do có tính đại chúng, sáng tác nhanh và kịp thời => phát triển nhất: hịch, văn tế, vè

- **Vè:** thể loại VH báo chí của dân gian, ghi nhanh những sự việc xảy ra trước mắt bằng hình thức thơ ít chữ, có vần, dễ nhớ, dễ truyền tụng.
=> có tính thời sự nhạy bén và tính chiến đấu cao.
=> Vè phản ánh cuộc chiến đấu của nhân dân ta chống TD Pháp, có phần sắc sảo và chân thực hơn VH thành văn (*Vè thất thủ kinh đô...*).

- **Hịch:** kết cấu theo lối biền ngẫu, để kêu gọi chiến đấu

=> Hịch kêu gọi chống Pháp sôi nổi khí thế căm thù và quyết chiến, có tính chất hùng ca rõ rệt (*Hịch kêu gọi nghĩa binh đánh Tây – NĐC, Hịch Trương Định, Hịch Lãnh Cô...*)

- **Văn tế:** có nhiều tính chất bi thương và căm phẫn. Giọng văn tế trầm hùng dễ đi vào lòng người. Văn tế của NĐC là kiệt tác tiêu biểu.

IV. NGÔN NGỮ

VĂN HỌC X-XVII



- X-XIII: chỉ sáng tác bằng chữ Hán
- Từ XV: sáng tác bằng chữ Nôm phát triển

VĂN HỌC XVIII-1/2 ĐẦU XIX



- Có sáng tác đỉnh cao ở cả chữ Hán + chữ Nôm
- Cuối gđ nửa đầu XIX: ST bằng chữ Hán được triều đình khuyến khích phát triển, lần ợt xu hướng sáng tác bằng chữ Nôm

VĂN HỌC NỬA SAU XIX



- Ngôn ngữ ST chính: chữ Hán + chữ Nôm
- Chữ quốc ngữ: xuất hiện trên các tờ báo có tính chất công báo: *Gia Định báo, Nhật trình Nam Kỳ...*

Đặc điểm ngôn ngữ: Ngôn ngữ thơ mất đi tính dài các, quý phái, cố gắng đi sát với ngôn ngữ của đời sống.

Giai đoạn trước	Giai đoạn này
<i>Hướng sự phát triển</i> của ngôn ngữ VH vào lời ăn tiếng nói của nhân dân, vào ca dao tục ngữ	Dần loại trừ được phong cách quý tộc ra khỏi ngôn ngữ VH. (Trong thơ ko có “liều chương dài”, “cảnh xuân”, “hoa kia”.... mà cụ thể hơn, đời sống hơn).
<i>Kết hợp</i> 1 cách nhuần nhuyễn phong cách ngôn ngữ bình dân với phong cách ngôn ngữ quý tộc	Một loạt ngôn ngữ hằng ngày rất mới và mộc mạc đi vào thơ. Thơ ca ko ngại lối nói <i>nôm na</i> , có tính chất văn xuôi, mặc dù về thể thơ thì cố định, chưa phải tự do

❖ Nghệ thuật biểu hiện

- ✓ **Tính cá thể, cụ thể - lịch sử** là một đặc điểm của nghệ thuật biểu hiện giai đoạn này
- ✓ Trong thơ xuất hiện **“cái tôi trữ tình”**: nhà thơ sáng tác không phải nhân danh con người nói chung hay nhân danh một tầng lớp xã hội, một nguyên lý đạo đức mà *nhân danh một cá nhân, một cá thể*.

=> phong cách cá nhân rõ nét: chưa phải đã có mỗi người một tiếng nói riêng, một lối biểu hiện riêng nhưng ở những nhà thơ tiêu biểu vẫn có một tiếng nói, một lối biểu hiện độc đáo, khác với những người khác, ko lẫn vào đâu được.

- ✓ Thể thơ, ngôn ngữ văn học cũng có thay đổi. Chất **đời sống** được gia tăng.
- ✓ VH nửa cuối XIX (đặc biệt khoảng cuối giai đoạn): có những cố gắng mới nhằm phá vỡ những công thức biểu hiện trong VH PK để đi đến 1 lối biểu hiện phong phú như “hình thức của bản thân đời sống” (Trần Tế Xương).

TỔNG KẾT

DIỆN MẠO VHVN ½ SAU XIX

LLST – QNTM	- Nhà nho trung nghĩa - Sự trưởng thành của đội ngũ ST Nam Bộ - Quan niệm thẩm mỹ: vận mệnh dân tộc; lẽ sống - chết, sự thành công - thất bại
Chủ đề, đề tài	- Chủ đề yêu nước chống Pháp - Tố cáo, phê phán hiện thực XH - Hưởng lạc thoát ly - Xu hướng văn học đô thị
Hình tượng trung tâm	- Con người trung nghĩa: người anh hùng vô danh - Bước chuyển từ hình tượng người nghĩa sĩ nông dân => nhà nho trung nghĩa
Ngôn ngữ	- Chữ Hán + Chữ Nôm - Chữ quốc ngữ - Ngôn ngữ đời sống
Thể loại	- Thể loại dài hơi: sử ca, hát bội - Thể loại ngắn: vè, văn tế, hịch => phổ biến và thành công